

Số: 2004/QĐ-UBND

Bến Tre, ngày 13 tháng 9 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố danh mục 06 thủ tục hành chính ban hành mới, danh mục 38 thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực người có công và xã hội thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Bến Tre**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 2241/TTr-SLĐTBXH ngày 11 tháng 9 năm 2019,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 06 thủ tục hành chính ban hành mới, danh mục 38 thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực người có công và xã hội thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

**Điều 2.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành.


Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Cục KSTTHC - VPCP;
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- Các PCVP.UBND tỉnh;
- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Phòng KSTT (HCT), KG-VX;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu VT.



**Cao Văn Trọng**


**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC LAO ĐỘNG, NGƯỜI CÓ CÔNG VÀ XÃ HỘI**  
**THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**  
*(Kèm theo Quyết định số 2004/QĐ-UBND ngày 13 tháng 9 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)*

**I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI**

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
<b>Lĩnh vực: Bảo trợ xã hội</b>					
1	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trong năm	07 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã.	Không	+ Thông tư số 17/2016/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020.
2	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo phát sinh trong năm	07 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã.	Không	+ Thông tư số 14/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2016/TT-BLĐTBXH về hướng dẫn quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020.
3	Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ chi phí mai táng	Không quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã.	Không	+ Nghị định số 136/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội. + Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC của liên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Tài

4	Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở	Không quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã.	Không	chính Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 136/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.
<b>Lĩnh vực: Phòng, chống tệ nạn xã hội</b>					
5	Quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại cộng đồng	06 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã.	Không	Nghị định số 94/2010/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình, cai nghiện ma túy tại cộng đồng.
6	Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình	03 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã.	Không	

## II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

STT	Tên thủ tục hành chính	Lý do việc bãi bỏ thủ tục hành chính
<b>Lĩnh vực: Người có công</b>		
1	Xét duyệt hồ sơ khen thưởng tổng kết thành tích kháng chiến	TTHC đã được chuẩn hóa, thực hiện liên thông giữa các cơ quan UBND cấp xã, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
2	Thủ tục xét duyệt hồ sơ liệt sĩ và thân nhân liệt sĩ	
3	Xác nhận đề nghị cấp lại thẻ thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sĩ	
4	Xác nhận hồ sơ cấp sổ ưu đãi giáo dục, đào tạo	
5	Giải quyết chế độ đối với thân nhân liệt sĩ	
6	Xác nhận hồ sơ cấp thẻ bảo hiểm y tế người có công	
7	Xác nhận đơn đề nghị cấp lại bằng Tổ quốc ghi công	
8	Trợ cấp người có công giúp đỡ cách mạng	
9	Công nhận người hoạt động cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày	
10	Đề nghị tặng thưởng Huân chương Độc lập	
11	Xác nhận hồ sơ hưởng chế độ chính sách đối với đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ (đối với đối tượng chưa được hưởng chế độ chính sách hiện đang còn sống)	
12	Xác nhận hồ sơ hưởng chế độ chính sách đối với đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng	

	chính sách của Đảng và Nhà nước theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ (đối với đối tượng chưa được hưởng chế độ chính sách đã từ trần).		
13	Xác nhận hồ sơ hưởng chế độ chính sách đối với đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ (đối với đối tượng được hưởng chế độ B, C, K đối với cán bộ còn sống)	TTHC đã được chuẩn hóa, thực hiện liên thông giữa các cơ quan UBND cấp xã, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	
14	Xác nhận hồ sơ hưởng chế độ chính sách đối với đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ (đối với đối tượng được hưởng chế độ B, C, K đối với cán bộ đã hy sinh, từ trần).		
15	Xác nhận hồ sơ người có công với cách mạng từ trần đối với trường hợp hưởng mai táng phí và trợ cấp một lần		
16	Xác nhận hồ sơ người có công với cách mạng từ trần đối với trường hợp hưởng mai táng phí.		
17	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến		
18	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến		
19	Trợ cấp Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến		
20	Giải quyết trợ cấp tiền tuất hàng tháng khi người có công từ trần		TTHC đã được chuẩn hóa, thực hiện liên thông giữa các cơ quan UBND cấp xã, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
21	Đề nghị phong và truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”		
22	Trợ cấp người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ Quốc tế		

23	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	
<b>Lĩnh vực: Bảo trợ xã hội</b>		
24	Xét cấp lại thẻ Bảo hiểm y tế cho hộ nghèo	Căn cứ pháp lý của TTHC đã bãi bỏ không còn thực hiện
25	Xét duyệt hồ sơ đề nghị đưa đối tượng trẻ mồ côi, trẻ bị bỏ rơi, trẻ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào nuôi dưỡng tại Trung tâm Bảo trợ trẻ em	TTHC đã được chuẩn hóa, thực hiện liên thông giữa các cơ quan UBND cấp xã, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
26	Xét duyệt hồ sơ đề nghị đưa người bị tâm thần vào nuôi dưỡng, chăm sóc, điều trị tại Trung tâm Bảo trợ người tâm thần	
27	Xét duyệt hồ sơ đề nghị cho người già cô đơn vào Trung tâm Bảo trợ xã hội	
28	Xét trợ cấp đối với người đơn thân thuộc diện hộ nghèo, đang nuôi con nhỏ	
29	Xét trợ cấp đối với người từ đủ 80 tuổi trở lên không lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội	
30	Xét trợ cấp đối với người nhận nuôi dưỡng người khuyết tật đặc biệt nặng	
31	Xét trợ cấp đối với trẻ em từ 18 tháng tuổi đến dưới 16 tuổi mồ côi cả cha và mẹ, trẻ em bị bỏ rơi, mất người nuôi dưỡng, trẻ em nhiễm HIV/AIDS thuộc gia đình nghèo	
32	Thủ tục xét duyệt hồ sơ trợ cấp đối với người bị nhiễm HIV/AIDS không còn khả năng lao động thuộc diện hộ nghèo	
33	Xét trợ cấp đối với người tàn tật nặng không có khả năng lao động hoặc không có khả năng tự phục vụ, thuộc hộ gia đình nghèo	

34	Xét trợ cấp xã hội đối với gia đình có 02 người trở lên tàn tật nặng, không có khả năng tự phục vụ	TTHC đã được chuẩn hóa, thực hiện liên thông giữa các cơ quan UBND cấp xã, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
35	Xác nhận hồ sơ đề nghị giải quyết hỗ trợ mai táng phí cho đối tượng bảo trợ xã hội	
36	Xét duyệt đề nghị hỗ trợ chi phí học tập, cấp bù học phí, miễn giảm học phí	
37	Xét trợ cấp đối với người mắc bệnh tâm thần mãn tính sống độc thân không nơi nương tựa hoặc gia đình thuộc diện hộ nghèo	
38	Xét trợ cấp đối với người cao tuổi cô đơn thuộc hộ gia đình nghèo; người cao tuổi còn vợ hoặc chồng nhưng già yếu, không có con, cháu, người thân thích để nương tựa thuộc diện hộ nghèo	